

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:

H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52;
Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.**I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (40 câu, từ câu 1 đến câu 40)****Câu 1:** Hợp chất X có công thức $C_8H_{14}O_4$. Từ X thực hiện các phản ứng (theo đúng tỉ lệ mol):

- (a) $X + 2NaOH \rightarrow X_1 + X_2 + H_2O$ (b) $X_1 + H_2SO_4 \rightarrow X_3 + Na_2SO_4$
 (c) $nX_3 + nX_4 \rightarrow \text{nilon-6,6} + 2nH_2O$ (d) $2X_2 + X_3 \rightarrow X_5 + 2H_2O$

Phân tử khối của X_5 là

- A. 202. B. 174. C. 216. D. 198.

Câu 2: Cho dãy các chất: stiren, ancol benzylic, anilin, toluen, phenol (C_6H_5OH). Số chất trong dãy có khả năng làm mất màu nước brom là

- A. 2. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 3: Hỗn hợp M gồm một anken và hai amin no, đơn chức, mạch hở X và Y là đồng đẳng kế tiếp ($M_X < M_Y$). Đốt cháy hoàn toàn một lượng M cần dùng 4,536 lít O_2 (đktc) thu được H_2O , N_2 và 2,24 lít CO_2 (đktc). Chất Y là

- A. propylamin. B. butylamin. C. etylamin. D. etylmetylamin.

Câu 4: Hidrat hóa 5,2 gam axetilen với xúc tác $HgSO_4$ trong môi trường axit, đun nóng. Cho toàn bộ các chất hữu cơ sau phản ứng vào một lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 thu được 44,16 gam kết tủa. Hiệu suất phản ứng hidrat hóa axetilen là

- A. 80%. B. 92%. C. 70%. D. 60%.

Câu 5: Dãy các kim loại đều có thể được điều chế bằng phương pháp điện phân dung dịch muối (với điện cực trơ) là:

- A. Al, Fe, Cr. B. Ca, Zn, Cu. C. Li, Ag, Sn. D. Ni, Cu, Ag.

Câu 6: Cho các cặp oxi hoá - khử được sắp xếp theo chiều tăng dần tính oxi hoá của dạng oxi hóa như sau: Fe^{2+}/Fe , Cu^{2+}/Cu , Fe^{3+}/Fe^{2+} . Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Fe^{2+} oxi hóa được Cu thành Cu^{2+} . B. Cu^{2+} oxi hoá được Fe^{2+} thành Fe^{3+} .
 C. Cu khử được Fe^{3+} thành Fe. D. Fe^{3+} oxi hóa được Cu thành Cu^{2+} .

Câu 7: Hỗn hợp X có khối lượng 82,3 gam gồm $KClO_3$, $Ca(ClO_3)_2$, $CaCl_2$ và KCl. Nhiệt phân hoàn toàn X thu được 13,44 lít O_2 (đktc), chất rắn Y gồm $CaCl_2$ và KCl. Toàn bộ Y tác dụng vừa đủ với 0,3 lít dung dịch K_2CO_3 1M thu được dung dịch Z. Lượng KCl trong Z nhiều gấp 5 lần lượng KCl trong X. Phần trăm khối lượng KCl trong X là

- A. 12,67%. B. 18,10%. C. 25,62%. D. 29,77%.

Câu 8: Cho dãy các hợp chất thơm: $p\text{-HO-CH}_2\text{-C}_6\text{H}_4\text{-OH}$, $p\text{-HO-C}_6\text{H}_4\text{-COOC}_2\text{H}_5$, $p\text{-HO-C}_6\text{H}_4\text{-COOH}$, $p\text{-HCOO-C}_6\text{H}_4\text{-OH}$, $p\text{-CH}_3\text{O-C}_6\text{H}_4\text{-OH}$. Có bao nhiêu chất trong dãy thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau?

- (a) Chỉ tác dụng với NaOH theo tỉ lệ mol 1 : 1.
 (b) Tác dụng được với Na (dư) tạo ra số mol H_2 bằng số mol chất phản ứng.

- A. 4. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 9: Cho 500 ml dung dịch $Ba(OH)_2$ 0,1M vào V ml dung dịch $Al_2(SO_4)_3$ 0,1M; sau khi các phản ứng kết thúc thu được 12,045 gam kết tủa. Giá trị của V là

- A. 150. B. 75. C. 200. D. 300.

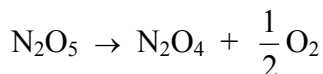
Câu 10: Thực hiện các thí nghiệm sau (ở điều kiện thường):

- (a) Cho đồng kim loại vào dung dịch sắt(III) clorua.
- (b) Sục khí hiđro sunfua vào dung dịch đồng(II) sunfat.
- (c) Cho dung dịch bạc nitrat vào dung dịch sắt(III) clorua.
- (d) Cho bột lưu huỳnh vào thủy ngân.

Số thí nghiệm xảy ra phản ứng là

- A. 1. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 11: Xét phản ứng phân hủy N_2O_5 trong dung môi CCl_4 ở $45^\circ C$:



Ban đầu nồng độ của N_2O_5 là 2,33M, sau 184 giây nồng độ của N_2O_5 là 2,08M. Tốc độ trung bình của phản ứng tính theo N_2O_5 là

- A. $1,36 \cdot 10^{-3} \text{ mol/(l.s)}$. B. $6,80 \cdot 10^{-3} \text{ mol/(l.s)}$.
C. $6,80 \cdot 10^{-4} \text{ mol/(l.s)}$. D. $2,72 \cdot 10^{-3} \text{ mol/(l.s)}$.

Câu 12: Dãy chất nào sau đây đều thể hiện tính oxi hóa khi phản ứng với SO_2 ?

- A. O_2 , nước brom, dung dịch $KMnO_4$. B. Dung dịch $NaOH$, O_2 , dung dịch $KMnO_4$.
C. Dung dịch $BaCl_2$, CaO , nước brom. D. H_2S , O_2 , nước brom.

Câu 13: X và Y là hai nguyên tố thuộc cùng một chu kỳ, hai nhóm A liên tiếp. Số proton của nguyên tử Y nhiều hơn số proton của nguyên tử X. Tổng số hạt proton trong nguyên tử X và Y là 33. Nhận xét nào sau đây về X, Y là đúng?

- A. Phân lớp ngoài cùng của nguyên tử X (ở trạng thái cơ bản) có 4 electron.
B. Độ âm điện của X lớn hơn độ âm điện của Y.
C. Đơn chất X là chất khí ở điều kiện thường.
D. Lớp ngoài cùng của nguyên tử Y (ở trạng thái cơ bản) có 5 electron.

Câu 14: Đốt cháy hoàn toàn 7,6 gam hỗn hợp gồm một axit cacboxylic no, đơn chức, mạch hở và một ancol đơn chức (có số nguyên tử cacbon trong phân tử khác nhau) thu được 0,3 mol CO_2 và 0,4 mol H_2O . Thực hiện phản ứng este hóa 7,6 gam hỗn hợp trên với hiệu suất 80% thu được m gam este. Giá trị của m là

- A. 4,08. B. 6,12. C. 8,16. D. 2,04.

Câu 15: Cho các phát biểu sau:

- (a) Chất béo được gọi chung là triglixerit hay triaxylglixerol.
- (b) Chất béo nhẹ hơn nước, không tan trong nước nhưng tan nhiều trong dung môi hữu cơ.
- (c) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.
- (d) Tristearin, triolein có công thức lần lượt là: $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$, $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.

Số phát biểu đúng là

- A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 16: Hỗn hợp X gồm axit fomic, axit acrylic, axit oxalic và axit axetic. Cho m gam X phản ứng hết với dung dịch $NaHCO_3$ thu được 1,344 lít CO_2 (đktc). Đốt cháy hoàn toàn m gam X cần 2,016 lít O_2 (đktc), thu được 4,84 gam CO_2 và a gam H_2O . Giá trị của a là

- A. 1,80. B. 1,44. C. 1,62. D. 3,60.

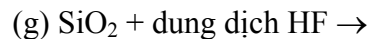
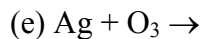
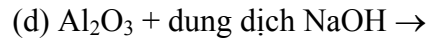
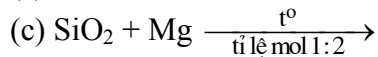
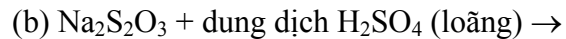
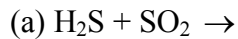
Câu 17: Cho 2,8 gam bột sắt vào 200 ml dung dịch gồm $AgNO_3$ 0,1M và $Cu(NO_3)_2$ 0,5M; khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam chất rắn X. Giá trị của m là

- A. 3,20. B. 4,72. C. 4,08. D. 4,48.

Câu 18: Một loại phân kali có thành phần chính là KCl (còn lại là các tạp chất không chứa kali) được sản xuất từ quặng xinvinit có độ dinh dưỡng 55%. Phần trăm khối lượng của KCl trong loại phân kali đó là

- A. 87,18%. B. 95,51%. C. 65,75%. D. 88,52%.

Câu 19: Cho các phản ứng sau:



Số phản ứng tạo ra đơn chất là

A. 4.

B. 5.

C. 3.

D. 6.

Câu 20: Hỗn hợp X gồm Fe_3O_4 và Al có tỉ lệ mol tương ứng 1 : 3. Thực hiện phản ứng nhiệt nhôm X (không có không khí) đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được hỗn hợp gồm

A. Al_2O_3 và Fe.

B. Al, Fe, Fe_3O_4 và Al_2O_3 .

C. Al, Fe và Al_2O_3 .

D. Al_2O_3 , Fe và Fe_3O_4 .

Câu 21: Cho các phát biểu sau:

(a) Đốt cháy hoàn toàn este no, đơn chức, mạch hở luôn thu được số mol CO_2 bằng số mol H_2O .

(b) Trong hợp chất hữu cơ nhất thiết phải có cacbon và hiđro.

(c) Những hợp chất hữu cơ có thành phần nguyên tố giống nhau, thành phần phân tử hơn kém nhau một hay nhiều nhóm CH_2 là đồng đẳng của nhau.

(d) Dung dịch glucozơ bị khử bởi AgNO_3 trong NH_3 tạo ra Ag.

(e) Saccarozơ chỉ có cấu tạo mạch vòng.

Số phát biểu đúng là

A. 2.

B. 4.

C. 5.

D. 3.

Câu 22: Cho các phát biểu sau về phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$):

(a) Phenol tan nhiều trong nước lạnh.

(b) Phenol có tính axit nhưng dung dịch phenol trong nước không làm đổi màu quỳ tím.

(c) Phenol được dùng để sản xuất phẩm nhuộm, chất diệt nấm mốc.

(d) Nguyên tử H của vòng benzen trong phenol dễ bị thay thế hơn nguyên tử H trong benzen.

(e) Cho nước brom vào dung dịch phenol thấy xuất hiện kết tủa.

Số phát biểu đúng là

A. 3.

B. 2.

C. 5.

D. 4.

Câu 23: Đốt cháy hoàn toàn 3 lít hỗn hợp X gồm 2 anken kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng cần vừa đủ 10,5 lít O_2 (các thể tích khí đo trong cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất). Hidrat hóa hoàn toàn X trong điều kiện thích hợp thu được hỗn hợp ancol Y, trong đó khối lượng ancol bậc hai bằng $\frac{6}{13}$ lần tổng khối lượng các ancol bậc một. Phần trăm khối lượng của ancol bậc một (có số nguyên tử cacbon lớn hơn) trong Y là

A. 31,58%.

B. 7,89%.

C. 10,88%.

D. 46,43%.

Câu 24: Loại tơ nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng hợp?

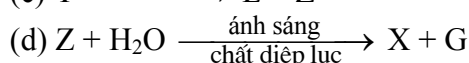
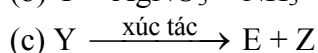
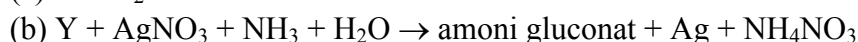
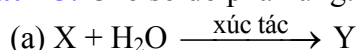
A. Tơ visco.

B. Tơ nilon-6,6.

C. Tơ xenlulozơ axetat.

D. Tơ nitron.

Câu 25: Cho sơ đồ phản ứng:



X, Y, Z lần lượt là:

A. Xenlulozơ, saccarozơ, cacbon đioxit.

B. Xenlulozơ, fructozơ, cacbon đioxit.

C. Tinh bột, glucozơ, etanol.

D. Tinh bột, glucozơ, cacbon đioxit.

Câu 26: Cho hỗn hợp K_2CO_3 và NaHCO_3 (tỉ lệ mol 1 : 1) vào bình dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ thu được kết tủa X và dung dịch Y. Thêm từ từ dung dịch HCl 0,5M vào bình đến khi không còn khí thoát ra thì hết 560 ml. Biết toàn bộ Y phản ứng vừa đủ với 200 ml dung dịch NaOH 1M. Khối lượng kết tủa X là

A. 11,28 gam.

B. 9,85 gam.

C. 3,94 gam.

D. 7,88 gam.

Câu 27: Cho dãy các chất: Al , $\text{Al}(\text{OH})_3$, $\text{Zn}(\text{OH})_2$, NaHCO_3 , Na_2SO_4 . Số chất trong dãy vừa phản ứng được với dung dịch HCl , vừa phản ứng được với dung dịch NaOH là

- A. 4. B. 2. C. 3. D. 5.

Câu 28: Phần trăm khối lượng của nguyên tố R trong hợp chất khí với hydro (R có số oxi hóa thấp nhất) và trong oxit cao nhất tương ứng là $a\%$ và $b\%$, với $a : b = 11 : 4$. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Nguyên tử R (ở trạng thái cơ bản) có 6 electron s.
B. Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, R thuộc chu kì 3.
C. Oxit cao nhất của R ở điều kiện thường là chất rắn.
D. Phân tử oxit cao nhất của R không có cực.

Câu 29: Điện phân 150 ml dung dịch AgNO_3 1M với điện cực trơ trong t giờ, cường độ dòng điện không đổi 2,68A (hiệu suất quá trình điện phân là 100%), thu được chất rắn X, dung dịch Y và khí Z. Cho 12,6 gam Fe vào Y, sau khi các phản ứng kết thúc thu được 14,5 gam hỗn hợp kim loại và khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}). Giá trị của t là

- A. 0,3. B. 1,2. C. 0,8. D. 1,0.

Câu 30: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm Na_2O và Al_2O_3 vào nước thu được dung dịch X trong suốt. Thêm từ từ dung dịch HCl 1M vào X, khi hết 100 ml thì bắt đầu xuất hiện kết tủa; khi hết 300 ml hoặc 700 ml thì đều thu được a gam kết tủa. Giá trị của a và m lần lượt là

- A. 15,6 và 55,4. B. 23,4 và 35,9. C. 23,4 và 56,3. D. 15,6 và 27,7.

Câu 31: Hydro hóa hoàn toàn hidrocarbon mạch hở X thu được isopentan. Số công thức cấu tạo có thể có của X là

- A. 7. B. 4. C. 6. D. 5.

Câu 32: Nguyên tử R tạo được cation R^+ . Cấu hình electron ở phân lớp ngoài cùng của R^+ (ở trạng thái cơ bản) là $2p^6$. Tổng số hạt mang điện trong nguyên tử R là

- A. 23. B. 10. C. 22. D. 11.

Câu 33: Đốt cháy hoàn toàn 4,64 gam một hidrocarbon X (chất khí ở điều kiện thường) rồi đem toàn bộ sản phẩm cháy hấp thụ hết vào bình đựng dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$. Sau các phản ứng thu được 39,4 gam kết tủa và khối lượng phần dung dịch giảm bớt 19,912 gam. Công thức phân tử của X là

- A. C_2H_4 . B. C_3H_4 . C. C_4H_{10} . D. CH_4 .

Câu 34: Cho dãy các chất: $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (1), $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$ (2), $(\text{C}_6\text{H}_5)_2\text{NH}$ (3), $(\text{C}_2\text{H}_5)_2\text{NH}$ (4), NH_3 (5) (C_6H_5- là gốc phenyl). Dãy các chất sắp xếp theo thứ tự lực bazơ giảm dần là:

- A. (4), (1), (5), (2), (3). B. (3), (1), (5), (2), (4).
C. (4), (2), (5), (1), (3). D. (4), (2), (3), (1), (5).

Câu 35: Hòa tan hoàn toàn 2,43 gam hỗn hợp gồm Mg và Zn vào một lượng vừa đủ dung dịch H_2SO_4 loãng, sau phản ứng thu được 1,12 lít H_2 (đktc) và dung dịch X. Khối lượng muối trong dung dịch X là

- A. 4,83 gam. B. 7,23 gam. C. 7,33 gam. D. 5,83 gam.

Câu 36: Trong ancol X, oxi chiếm 26,667% về khối lượng. Đun nóng X với H_2SO_4 đặc thu được anken Y. Phân tử khối của Y là

- A. 28. B. 56. C. 70. D. 42.

Câu 37: Hỗn hợp X gồm 2 amino axit no (chỉ có nhóm chức $-\text{COOH}$ và $-\text{NH}_2$ trong phân tử), trong đó tỉ lệ $m_{\text{O}} : m_{\text{N}} = 80 : 21$. Để tác dụng vừa đủ với 3,83 gam hỗn hợp X cần 30 ml dung dịch HCl 1M. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn 3,83 gam hỗn hợp X cần 3,192 lít O_2 (đktc). Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy (CO_2 , H_2O và N_2) vào nước vôi trong dư thì khối lượng kết tủa thu được là

- A. 20 gam. B. 15 gam. C. 10 gam. D. 13 gam.

Câu 38: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Muối phenylamoni clorua không tan trong nước.
B. Tất cả các peptit đều có phản ứng màu biure.
C. Ở điều kiện thường, metylamin và đimetylamin là những chất khí có mùi khai.
D. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}_2-\text{COOH}$ là một dipeptit.

Câu 39: Cho dãy các oxit: NO_2 , Cr_2O_3 , SO_2 , CrO_3 , CO_2 , P_2O_5 , Cl_2O_7 , SiO_2 , CuO . Có bao nhiêu oxit trong dãy tác dụng được với dung dịch NaOH loãng?

- A. 6. B. 7. C. 8. D. 5.

Câu 40: Quặng nào sau đây giàu sắt nhất?

- A. Manhetit. B. Hematit đỏ. C. Pirit sắt. D. Xiderit.

II. PHẦN RIÊNG (10 câu)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai phần riêng (phần A hoặc phần B)

A. Theo chương trình Chuẩn (10 câu, từ câu 41 đến câu 50)

Câu 41: Cho các phản ứng sau:

- (a) $\text{FeS} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2\text{S}$
 (b) $\text{Na}_2\text{S} + 2\text{HCl} \rightarrow 2\text{NaCl} + \text{H}_2\text{S}$
 (c) $2\text{AlCl}_3 + 3\text{Na}_2\text{S} + 6\text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{Al}(\text{OH})_3 + 3\text{H}_2\text{S} + 6\text{NaCl}$
 (d) $\text{KHSO}_4 + \text{KHS} \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{S}$
 (e) $\text{BaS} + \text{H}_2\text{SO}_4 (\text{loãng}) \rightarrow \text{BaSO}_4 + \text{H}_2\text{S}$

Số phản ứng có phương trình ion rút gọn $\text{S}^{2-} + 2\text{H}^+ \rightarrow \text{H}_2\text{S}$ là

- A.** 3. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 1.

Câu 42: Cho sơ đồ chuyển hóa sau:

- (a) $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2 + \text{NaOH} \rightarrow \text{X} + \text{Y}$
 (b) $\text{X} + \text{H}_2\text{SO}_4 \text{ (loãng)} \rightarrow \text{Z} + \text{T}$
 (c) $\text{Z} + \text{dung dịch AgNO}_3/\text{NH}_3 \text{ (dur)} \rightarrow \text{E} + \text{Ag} + \text{NH}_4\text{NO}_3$
 (d) $\text{Y} + \text{dung dịch AgNO}_3/\text{NH}_3 \text{ (dur)} \rightarrow \text{F} + \text{Ag} + \text{NH}_4\text{NO}_3$

Chất E và chất F theo thứ tự là

- A.** $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$ và CH_3COOH .
B. HCOONH_4 và $\text{CH}_3\text{COONH}_4$.
C. HCOONH_4 và CH_3CHO .
D. $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$ và $\text{CH}_3\text{COONH}_4$.

Câu 43: Cho hỗn hợp gồm Fe và Mg vào dung dịch AgNO_3 , khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch X (gồm hai muối) và chất rắn Y (gồm hai kim loại). Hai muối trong X là

- A.** $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ và AgNO_3 .
B. AgNO_3 và $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$.
C. $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ và $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$.
D. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ và $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$.

Câu 44: Hóa hơi 8,64 gam hỗn hợp gồm một axit no, đơn chức, mạch hở X và một axit no, đa chức Y (có mạch cacbon hở, không phân nhánh) thu được một thể tích hơi bằng thể tích của 2,8 gam N_2 (đo trong cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất). Đốt cháy hoàn toàn 8,64 gam hỗn hợp hai axit trên thu được 11,44 gam CO_2 . Phần trăm khối lượng của X trong hỗn hợp ban đầu là

- A.** 35,25%. **B.** 65,15%. **C.** 27,78%. **D.** 72,22%.

Câu 45: Đốt cháy hoàn toàn một lượng ancol X tạo ra 0,4 mol CO_2 và 0,5 mol H_2O . X tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo dung dịch màu xanh lam. Oxi hóa X bằng CuO tạo hợp chất hữu cơ đa chức Y. Nhận xét nào sau đây đúng với X?

- A.** Trong X có 3 nhóm $-CH_3$.
B. X làm mất màu nước brom.
C. Trong X có 2 nhóm $-OH$ liên kết với hai nguyên tử cacbon bậc hai.
D. Hidrat hóa but-2-en thu được X.

Câu 46: Nhân xét nào sau đây **không** đúng?

- A.** Nhôm và crom đều bị thụ động hóa bởi HNO_3 đặc, nguội.
B. Nhôm và crom đều phản ứng với dung dịch HCl theo cùng tỉ lệ số mol.
C. Crom là kim loại cứng nhất trong tất cả các kim loại.
D. Vật dụng làm bằng nhôm và crom đều bền trong không khí và nước vì có màng oxit bảo vệ.

Câu 47: Số amin bậc một có cùng công thức phân tử C_3H_9N là

- A.** 4. **B.** 2. **C.** 1. **D.** 3.

Câu 48: Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển thành màu hồng?

- A.** Axit α, ϵ -diaminocaproic.
B. Axit α -aminopropionic.
C. Axit α -aminoglutaric.
D. Axit aminoaxetic.

Câu 49: Hỗn hợp X gồm H_2 và C_2H_4 có tỉ khối so với H_2 là 7,5. Dẫn X qua Ni nung nóng, thu được hỗn hợp Y có tỉ khối so với H_2 là 12,5. Hiệu suất của phản ứng hidro hoá là

- A.** 60%. **B.** 50%. **C.** 70%. **D.** 80%.

Câu 50: Cho 100 ml dung dịch AgNO_3 2a mol/l vào 100 ml dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ a mol/l. Sau khi phản ứng kết thúc thu được 8,64 gam chất rắn và dung dịch X. Cho dung dịch HCl dư vào X thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

- A.** 17.22. **B.** 14.35. **C.** 11.48. **D.** 22.96.

B. Theo chương trình Nâng cao (10 câu, từ câu 51 đến câu 60)

Câu 51: Khử este no, đơn chức, mạch hở X bằng LiAlH_4 thu được ancol duy nhất Y. Đốt cháy hoàn toàn Y thu được 0,2 mol CO_2 và 0,3 mol H_2O . Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol X thu được tổng khối lượng CO_2 và H_2O là

- A. 28,4 gam. B. 18,6 gam. C. 24,8 gam. D. 16,8 gam.

Câu 52: Dung dịch X gồm CH_3COOH 0,03M và CH_3COONa 0,01M. Biết ở 25°C , K_a của CH_3COOH là $1,75 \cdot 10^{-5}$, bỏ qua sự phân li của nước. Giá trị pH của dung dịch X ở 25°C là

- A. 6,28. B. 4,28. C. 4,04. D. 4,76.

Câu 53: Nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. $\text{Fe}(\text{OH})_2$ và $\text{Cr}(\text{OH})_2$ đều là bazơ và có tính khử.
B. $\text{Al}(\text{OH})_3$ và $\text{Cr}(\text{OH})_3$ đều là hidroxit lưỡng tính và có tính khử.
C. BaSO_4 và BaCrO_4 hầu như không tan trong nước.
D. SO_3 và CrO_3 đều là oxit axit.

Câu 54: Cho $E^\circ_{\text{pin}(\text{Zn-Cu})} = 1,10\text{V}$; $E^\circ_{\text{Zn}^{2+}/\text{Zn}} = -0,76\text{V}$ và $E^\circ_{\text{Ag}^+/\text{Ag}} = +0,80\text{V}$. Suất điện động chuẩn của pin điện hóa Cu-Ag là

- A. 0,34V. B. 0,56V. C. 0,46V. D. 1,14V.

Câu 55: Có các chất sau: keo dán ure-fomanđehit; tơ lapsan; tơ nilon-6,6; protein; sợi bông; amoni axetat; nhựa novolac. Trong các chất trên, có bao nhiêu chất mà trong phân tử của chúng có chứa nhóm $-\text{NH}-\text{CO}-$?

- A. 4. B. 3. C. 6. D. 5.

Câu 56: Cho các phát biểu sau:

- (a) Khí CO_2 gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính.
(b) Khí SO_2 gây ra hiện tượng mưa axit.
(c) Khi được thải ra khí quyển, freon (chủ yếu là CFCl_3 và CF_2Cl_2) phá hủy tầng ozon.
(d) Moocphin và cocain là các chất ma túy.

Số phát biểu đúng là

- A. 3. B. 2. C. 4. D. 1.

Câu 57: Cho 18,4 gam hỗn hợp X gồm Cu_2S , CuS , FeS_2 và FeS tác dụng hết với HNO_3 (đặc nóng, dư) thu được V lít khí chỉ có NO_2 (ở đktc, sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch Y. Cho toàn bộ Y vào một lượng dư dung dịch BaCl_2 , thu được 46,6 gam kết tủa; còn khi cho toàn bộ Y tác dụng với dung dịch NH_3 dư thu được 10,7 gam kết tủa. Giá trị của V là

- A. 24,64. B. 38,08. C. 11,2. D. 16,8.

Câu 58: Cho các phát biểu sau về cacbohidrat:

- (a) Tất cả các cacbohidrat đều có phản ứng thủy phân.
(b) Thủy phân hoàn toàn tinh bột thu được glucozơ.
(c) Glucozơ, fructozơ và mantozơ đều có phản ứng tráng bạc.
(d) Glucozơ làm mất màu nước brom.

Số phát biểu đúng là

- A. 2. B. 3. C. 1. D. 4.

Câu 59: Cho dãy các chất: cumen, stiren, isopren, xiclohexan, axetilen, benzen. Số chất trong dãy làm mất màu dung dịch brom là

- A. 3. B. 2. C. 4. D. 5.

Câu 60: Cho sơ đồ chuyển hóa: $\text{CH}_3\text{Cl} \xrightarrow{\text{KCN}} \text{X} \xrightarrow[\text{t}^\circ]{\text{H}_3\text{O}^+} \text{Y}$.

Công thức cấu tạo của X, Y lần lượt là:

- A. CH_3CN , CH_3CHO . B. CH_3NH_2 , $\text{CH}_3\text{COONH}_4$.
C. CH_3CN , CH_3COOH . D. CH_3NH_2 , CH_3COOH .

----- HẾT -----